TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 3 năm 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Ấn;

2. Bà Mua Thị Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C; sinh năm: 1972; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; căn cước công dân số: 002172007521 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 02/10/2023; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24/01/2025).

2. Bị đơn: Ông Dề Dung P; sinh năm: 1976; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Nùng; số định danh cá nhân: 002076005397; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 10 năm 2024, bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24 tháng 01 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Dề Dung P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 sau đó đến ngày 05/7/2002 bà và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ông P thường xuyên rượu chè về đánh đập bà C. Bà C nhận thấy bà và ông P không có chung lý tưởng sống, mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn và được các con động viên nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà C và ông P đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, bà C đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà C xác nhận bà và ông P có bốn con chung là Dề Seo H, sinh ngày 15/01/1992; Dề Thị X, sinh ngày 12/10/1996; Dề Seo Đ, sinh ngày 28/8/2003 và Dề Văn B, sinh ngày 20/12/2008. Nếu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P bà C có quan điểm là các con Dề Seo H, Dề Thị X, Dề Seo Đ đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, con Dề Văn B sẽ do ông P chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà C xác nhận ông bà không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/11/2024, ngày 19/11/2024 và tại phiên toà bị đơn ông Dề Dung P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 sau đó ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Bà C xin ly hôn ông không nhất trí vì vẫn còn tình cảm với bà C và đề nghị Toà án giải quyết cho hai vợ chồng quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống. Ông P đã cố gắng hàn gắn bằng cách nhờ các con khuyên nhủ và nói với bà C nhưng bà C không về nhà tiếp tục chung sống và hai ông bà đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, thỉnh thoảng có về nhà một vài lần ở nhà được vài ngày sau đó lại bỏ đi.

- Về con chung: Ông P xác nhận ông và bà C có bốn con chung là Dề Seo H, sinh ngày 15/01/1992; Dề Thị X, sinh ngày 12/10/1996; Dề Seo Đ, sinh ngày 28/8/2003 và Dề Văn B, sinh ngày 20/12/2008. Các con Dề Seo H, Dề Thị X, Dề Seo Đ đã trưởng thành ông không yêu cầu giải quyết, con Dề Văn B sẽ do ông P chăm sóc, nuôi dưỡng, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông P xác nhận ông bà không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2024 và ngày 14/01/2025 đối với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xác định được: Bà Trần Thị C và ông Dề Dung P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 sau đó đến ngày 05/7/2002 ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, được ghi trong sổ đăng ký kết hôn số 01TP/HT-1999-B số 47 ngày 05/7/2002, quá trình chung sống không rõ bà C và ông P có xảy ra mâu thuẫn gì không sau thời gian dài chung sống ông bà ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống ông bà có 04 con chung là cháu Dề Seo

H, sinh ngày 15/01/1992, cháu Dề Thị X, sinh ngày 12/10/1996, Dề Seo Đ, sinh ngày 28/8/2003, Dề Văn B, sinh ngày 20/12/2008. Hiện nay ông P ở nhà làm ruộng, chính quyền địa phương không rõ bà C làm công việc gì, ở đâu; về thu nhập bình quân tại địa phương hiện nay là 2.375.000đ/người/tháng; về thông tin cá nhân của bà Trần Thị C, sinh ngày 15/10/1973 được ghi trong sổ đăng ký kết hôn số 01TP/HT-1999-B số 47 ngày 05/7/2002 và Trần Thị C, sinh ngày 01/01/1972 được ghi trong căn cước công dân là cùng một người.

Ngày 16/10/2024, cháu Dề Văn B có đơn trình bày nguyện vọng bố mẹ con không còn chung sống với nhau từ năm 2018, nếu trường hợp bố mẹ ly hôn thì con xin được ở với bố vì mẹ hay đi làm xa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyết định của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị C, tuyên xử cho bà Trần Thị C được ly hôn với ông Dề Dung P. Về con chung: Giao cháu Dề Văn B, sinh ngày 20/12/2008 cho ông P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con, thời điểm giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Bà C, ông P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị C.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dề Dung P, nơi cư trú tại Thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án; bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyết định của Tòa án như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 03/12/2024, ngày 31/12/2024, phiên tòa ngày 04/02/2025 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Dề Dung P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B do đó hôn nhân giữa bà C và ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn. Bà C và ông P ly thân từ năm 2018 cho đến nay, bà C nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông P được nữa bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Mặc dù ông P đã nhờ con cái nói chuyện với bà C để hàn gắn, tuy nhiên bản thân ông P không tự mình và chưa thực sự nỗ lực trong việc hàn gắn tình cảm do mâu thuẫn kéo dài dẫn đến không thể hàn gắn được; bà C xác nhận cho đến thời điểm hiện tại không còn tình cảm với ông P và nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với ông P được nữa. Từ những tình tiết nêu trên xác định quan hệ hôn nhân của bà C và ông P đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, xử cho bà Trần Thị C được ly hôn với ông Dề Dung P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 khoản 1 Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Vụ án không tiến hành hòa giải được: Ngày 12/11/2024, bà Trần Thị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về con chung: Bà C và ông P xác nhận ông bà có bốn con chung là Dề Seo H, sinh ngày 15/01/1992; Dề Thị X, sinh ngày 12/10/1996; Dề Seo Đ, sinh ngày 28/8/2003 và Dề Văn B, sinh ngày 20/12/2008. Các con Dề Seo H, Dề Thị X, Dề Seo Đ đã trưởng thành bà C, ông P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà C và ông P đều có chung quan điểm về con chung Dề Văn B, sau khi ly hôn cháu B sẽ do ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con, thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra cháu B có đơn nguyện vọng xin được ở cùng bố. Do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, giao cháu Dề Văn B cho ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Bà Trần Thị C và ông Dề Dung P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị C là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà C theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho bà Trần Thị C được ly hôn với ông Dề Dung P.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, giao cháu Dề Văn B, sinh ngày 20/12/2008 cho ông Dề Dung P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, bà Trần Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con, thời điểm giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn nộp 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị C.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã B, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạng